

PC để bàn HP Elite Mini 800 G9

Dòng máy tính để bàn có thể sử dụng ở mọi không gian

Máy tính để bàn HP Elite Mini 800 mang lại hiệu suất cao cần thiết để xây dựng các bài thuyết trình phức tạp, xử lý số lượng lớn và nhanh chóng tạo ra nội dung hấp dẫn. Được trang bị bộ xử lý Intel® mạnh mẽ², đồ họa tích hợp và các tùy chọn triển khai thông minh, đây là chiếc máy tính phù hợp cho các tác vụ lớn được thực hiện trong không gian nh.

Kích thước nhỏ. Công dụng lớn

Đạt hiệu suất đột phá với bộ xử lý Intel® thế hệ mới nhất² và card đồ họa NVIDIA® RTX 3050 Ti tùy chọn³ mang lại tốc độ và khả năng phân tích cần thiết cho các chuyên gia đa nhiệm. Tận hưởng trải nghiệm làm việc thoải mái với màn hình 21.5 inch.⁴

Triển khai công việc tại văn phòng và nhà riêng

HP Elite Mini 800 siêu nhỏ và êm ái, dễ dàng mang đi với hiệu suất các tác vụ nh, trở thành lựa chọn phù hợp cho người dùng máy tính để bàn cần di chuyển thường xuyên giữa nhà và văn phòng. Gắn thiết bị vào phía sau màn hình HP tương thích.⁵

Được bảo vệ bởi HP Wolf Security

HP Wolf Security for Business tạo ra một hệ thống phòng thủ vững chắc, luôn hoạt động bền bỉ và được củng cố bằng phần cứng. Từ BIOS đến trình duyệt, bên trên, bên trong và bên dưới hệ điều hành, những giải pháp không ngừng phát triển này sẽ bảo vệ PC của bạn trước những mối đe dọa tinh vi.⁶



*Hình ảnh sản phẩm có thể khác với sản phẩm thực tế

Tính bền vững trong thực tiễn

Giúp bảo vệ tương lai chung của chúng ta

Tối thiểu 50% nhựa được dùng trong mẫu PC này là nhựa tái chế sau tiêu dùng.⁷ Bao bì hộp bên ngoài 100% có nguồn gốc bền vững.⁸ Mẫu PC này đã đạt chứng nhận ENERGY STAR® và đăng ký EPEAT® ở 23 quốc gia.⁹



PC để bàn HP Elite Mini 800 G9

Tính năng

Làm việc hiệu quả mà không tốn nhiều công sức

Giúp bạn tập trung vào công việc nhờ khả năng vận hành êm ái. HP Elite Mini 800 sử dụng HP Run Quiet Design để tinh chỉnh hệ thống quạt giúp hệ thống hoạt động êm ái và mát mẻ.

Hiệu suất linh hoạt

Truy cập và truyền dữ liệu nhanh chóng để bắt kịp tốc độ thay đổi yêu cầu kinh doanh ngày nay với SSD PCIe thế hệ 4 tiên tiến, USB Type-C® và bộ nhớ DDR5.

Xây dựng một hệ sinh thái

Tùy chỉnh giải pháp Mini của bạn bằng loạt phụ kiện dành riêng giúp gắn cố định Mini và nguồn điện của máy vào màn hình hoặc lên tường.¹⁰

Tự động khôi phục từ các cuộc tấn công firmware

Các cuộc tấn công phần mềm điều khiển có thể phá hủy hoàn toàn PC của bạn. Luôn an toàn nhờ HP Sure Start thế hệ 7, BIOS có khả năng tự động khôi phục trong trường hợp bị tấn công hoặc gián đoạn.¹¹

Giữ cho các biện pháp bảo mật máy tính của bạn luôn sẵn sàng

Ngăn chặn các thay đổi không mong muốn đối với cài đặt bảo mật và giúp hạn chế sự phát tán của phần mềm độc hại với HP Sure Run thế hệ 5 - có khả năng xác định, ngăn chặn và cung cấp báo cáo về các cuộc tấn công vào hệ thống máy tính.¹²

Yên tâm duyệt web

Giúp bảo vệ PC của bạn khỏi các trang web, đồng thời đọc và chỉnh sửa các tệp Microsoft Word và tệp đính kèm PDF ở chế độ chỉ đọc chứa phần mềm độc hại, phần mềm tống tiền hoặc vi-rút nhờ tính năng tăng cường bảo mật phần cứng của HP Sure Click.¹³

Độ bền được tích hợp sẵn

Hãy yên tâm với chiếc PC đã trải qua quá trình thử nghiệm kéo dài 120.000 giờ với Quy trình kiểm tra toàn diện của HP và kiểm tra MIL-STD 810. Nâng cao khả năng bảo vệ với bộ lọc bụi có thể tháo rời tùy chọn.^{3,14,15}



PC để bàn HP Elite Mini 800 G9

Thông số kỹ thuật

	Windows 11 Pro ¹ Windows 11 Pro Education ¹ Windows 11 Home – HP khuyến nghị sử dụng Windows 11 Pro cho doanh nghiệp ¹ Windows 11 Home Single Language – HP đề xuất Windows 11 Pro cho doanh nghiệp ¹ FreeDOS
Dòng bộ xử lý	Bộ xử lý Intel® Core™ i9 thế hệ 13 Bộ xử lý Intel® Core™ i7 thế hệ 13 Bộ xử lý Intel® Core™ i5 thế hệ 13 Bộ xử lý Intel® Core™ i3 thế hệ 13 Bộ xử lý Intel® Core™ i9 thế hệ 12 Bộ xử lý Intel® Core™ i7 thế hệ 12 Bộ xử lý Intel® Core™ i5 thế hệ 12 Bộ xử lý Intel® Core™ i3 thế hệ 12 Bộ xử lý Intel® Core™ i3 thế hệ 14 Bộ xử lý Intel® Core™ i5 thế hệ 14 Bộ xử lý Intel® Core™ i7 thế hệ 14 Bộ xử lý Intel® Core™ i9 thế hệ 14
Bộ xử lý Có sẵn ^{34,58}	Bộ xử lý Intel® Core™ i5-12500T với Card đồ họa Intel® UHD (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,0 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,4 GHz, bộ nhớ đệm L3 18 MB, 6 lõi hiệu năng P-core, 12 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i5-12400T với Card đồ họa Intel® UHD (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 1,8 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,2 GHz, bộ nhớ đệm L3 18 MB, 6 lõi hiệu năng P-core, 12 luồng) Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12300T với Card đồ họa Intel® UHD (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,3 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,2 GHz, bộ nhớ đệm L3 12 MB, 4 lõi hiệu năng P-core, 8 luồng) Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100T với Card đồ họa Intel® UHD (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,2 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,1 GHz, bộ nhớ đệm L3 12 MB, 4 lõi hiệu năng P-core, 8 luồng) Bộ xử lý Intel® Core™ i5-12600 với Card đồ họa Intel® UHD Graphics (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 3,3 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,8 GHz, bộ nhớ đệm L3 18 MB, 6 lõi hiệu năng P-core, 12 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i5-12500 với Card đồ họa Intel® UHD Graphics (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 3,0 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,6 GHz, bộ nhớ đệm L3 18 MB, 6 lõi hiệu năng P-core, 12 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i5-12400 với Card đồ họa Intel® UHD Graphics (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,5 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,4 GHz, bộ nhớ đệm L3 18 MB, 6 lõi hiệu năng P-core, 12 luồng) Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12300 với Card đồ họa Intel® UHD Graphics (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 3,5 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,4 GHz, bộ nhớ đệm L3 12 MB, 4 lõi hiệu năng P-core, 8 luồng) Bộ xử lý Intel® Core™ i3-12100 với Card đồ họa Intel® UHD Graphics (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 3,3 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,3 GHz, bộ nhớ đệm L3 12 MB, 4 lõi hiệu năng P-core, 8 luồng) Bộ xử lý Intel® Core™ i5-12600T với Card đồ họa Intel® UHD (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,1 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,6 GHz, bộ nhớ đệm L3 18 MB, 6 lõi hiệu năng P-core, 12 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i9-12900 với Card đồ họa Intel® UHD (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 1,8 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,4 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 3,8 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 5,0 GHz, lên đến 5,1 GHz với Công nghệ Intel® Turbo Boost, bộ nhớ đệm L3 30 MB, 8 lõi hiệu năng P-core và 8 lõi tiết kiệm điện E-core, 24 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i9-12900T với Card đồ họa Intel® UHD (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 1,0 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 1,4 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 3,6 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,8 GHz, lên đến 4,9 GHz với Công nghệ Intel® Turbo Boost, bộ nhớ đệm L3 30 MB, 8 lõi hiệu năng P-core và 8 lõi tiết kiệm điện E-core, 24 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i7-12700T với Card đồ họa Intel® UHD (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 1,0 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 1,4 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 3,4 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,6 GHz, lên đến 4,7 GHz với Công nghệ Intel® Turbo Boost, bộ nhớ đệm L3 25 MB, 8 lõi hiệu năng P-core và 4 lõi tiết kiệm điện E-core, 20 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i7-12700 với Card đồ họa Intel® UHD (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 1,6 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,1 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 3,6 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,8 GHz, lên đến 4,9 GHz với Công nghệ Intel® Turbo Boost, bộ nhớ đệm L lõi hiệu năng P-core lên đến 4,8 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,0 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 4,2 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 5,2 GHz, bộ nhớ đệm L3 30 MB, 8 lõi hiệu năng P-core và 8 lõi tiết kiệm điện E-core, 32 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i7-13700 (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 1,5 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,1 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 4,1 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 5,1 GHz, bộ nhớ đệm L3 30 MB, 8 lõi hiệu năng P-core và 8 lõi tiết kiệm điện E-core, 24 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i5-13500 (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 1,8 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,5 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 3,5 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,8 GHz, bộ nhớ đệm L3 24 MB, 6 lõi hiệu năng P-core và 8 lõi tiết kiệm điện E-core, 20 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i9-13900T với Card đồ họa Intel® UHD 770 (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 0,8 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 1,1 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 3,9 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 5,1 GHz, bộ nhớ đệm L3 36 MB, 8 lõi hiệu năng P-core và 16 lõi tiết kiệm điện E-core, 32 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i9-13700T với Card đồ họa Intel® UHD 770 (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 1,0 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 1,4 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 3,6 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,8 GHz, lên đến 4,9 GHz với Công nghệ Intel® Turbo Boost, bộ nhớ đệm L3 30 MB, 8 lõi hiệu năng P-core và 8 lõi tiết kiệm điện E-core, 24 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i5-13500T với Card đồ họa Intel® UHD 770 (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 1,2 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 1,6 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 3,2 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,6 GHz, bộ nhớ đệm L3 24 MB, 6 lõi hiệu năng P-core và 8 lõi tiết kiệm điện E-core, 20 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i3-13100T với Card đồ họa Intel® UHD 730 (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,5 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,2 GHz, bộ nhớ đệm L3 12 MB, 4 lõi hiệu năng P-core, 8 luồng) Bộ xử lý Intel® Core™ i3-14100 (tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 3,5 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 4,7 GHz, bộ nhớ đệm L3 12 MB, 4 lõi hiệu năng P-core và 0 lõi tiết kiệm điện E-core, 8 luồng) Bộ xử lý Intel® Core™ i5-14600 với Card đồ họa Intel UHD (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 2,0 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,7 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 3,9 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 5,2 GHz, bộ nhớ đệm L3 24 MB, 6 lõi hiệu năng P-core và 8 lõi tiết kiệm điện E-core, 20 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i9-14900T với Card đồ họa Intel UHD 770 (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 1,5 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 2,0 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 4,3 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 5,4 GHz, bộ nhớ đệm L3 36 MB, 8 lõi hiệu năng P-core và 16 lõi tiết kiệm điện E-core, 32 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i9-14900T với Card đồ họa Intel UHD (tần số cơ bản lõi tiết kiệm điện E-core 0,8 GHz, tần số cơ bản lõi hiệu năng P-core 1,1 GHz, tần số Turbo tối đa lõi tiết kiệm điện E-core lên đến 4,0 GHz, tần số Turbo tối đa lõi hiệu năng P-core lên đến 5,1 GHz, bộ nhớ đệm L3 36 MB, 8 lõi hiệu năng P-core và 16 lõi tiết kiệm điện E-core, 32 luồng), hỗ trợ Công nghệ Intel® vPro® Bộ xử lý Intel® Core™ i7-14700T với Card đồ họa I
Chipset ³	Intel® O670 (vPro®)
Định hình	Mini
Bộ nhớ tối đa	64 GB DDR5-4800 SDRAM; 64 GB DDR5-5600 SDRAM; ^{7,8,9} Tốc độ truyền tối đa 4800 MT/giây; Tốc độ truyền tối đa 5600 MT/giây
Khe bộ nhớ	2 SODIMM
Bộ lưu trữ trong	1 TB Tối đa 1 TB SATA 7200 vòng/phút ^{10,39}
Đồ họa Có sẵn	Tích hợp: Card đồ họa Intel® UHD 730; Card đồ họa Intel® UHD 770 Rời: NVIDIA® GeForce RTX™ 3050 Ti (4 GB GDDR6 chuyển dụng) ^{12,14}
Âm thanh	Codec Realtek ALC3252, giắc âm thanh đa năng với tính năng hỗ trợ tai nghe CTIA và OMTP
Công nghệ không dây	Card mạng không dây Intel® Wi-Fi 6E AX211 (2x2) và Bluetooth® 5.3, hỗ trợ vPro®; Card mạng không dây Intel® Wi-Fi 6E AX211 (2x2) và Bluetooth® 5.3, không hỗ trợ vPro®; Card không dây Realtek Wi-Fi 6 RTL8852BE 802.11a/b/g/n/ax (2x2) và Bluetooth® 5.3; Card mạng không dây Intel® Wi-Fi 7 BE200 (2x2) và Bluetooth® 5.4, hỗ trợ vPro®; Card mạng không dây Intel® Wi-Fi 7 BE200 (2x2) và Bluetooth® 5.4, không hỗ trợ vPro®
Khe cắm mở rộng	1 M.2 2230; 2 M.2 2280 (1 khe M.2 2230 cho WLAN và 2 khe M.2 2280 cho thiết bị lưu trữ)
Cổng và Đầu nối	Phía trước: 1 đầu nối tai nghe; 1 cổng SuperSpeed USB Type-A có tốc độ truyền tín hiệu 10Gbps; 1 cổng SuperSpeed USB Type-A có tốc độ truyền tín hiệu 10Gbps (cổng sạc); 1 cổng SuperSpeed USB Type-C* có tốc độ truyền tín hiệu 20Gbps; Sạc: 1 cổng kết nối ăng-ten ngoài; 1 cổng nguồn; 1 dây cáp RJ-45; 3 cổng SuperSpeed USB Type-A có tốc độ truyền tín hiệu 10Gbps; 2 cổng DisplayPort™ 1.4; 1 cổng HDMI 2.1 ³⁵ ; Cổng tùy chọn: Cổng Flex IO 2 - chọn một trong các tùy chọn sau: 2 USB 2.0 Type-A có tốc độ truyền tín hiệu 480Mbps, 1 cổng nối tiếp, 1 cổng ăng-ten ngoài thứ hai; Cổng Flex IO 1 - chọn một trong các tùy chọn sau: 1 cổng VGA, 1 cổng DisplayPort™ 1.4, 1 cổng HDMI 2.1, 1 cổng SuperSpeed USB Type-C* có tốc độ truyền tín hiệu 10Gbps (Điện áp đầu vào 100W, DisplayPort™ chế độ thay thế), 2 cổng SuperSpeed USB Type-A có tốc độ truyền tín hiệu 5Gbps, Cổng card mạng quang NIC HP (1Gbps), Card mạng Intel® 2.5 Gigabit Network Connection LOM, 1 cổng Thunderbolt™ 3 với USB 4.0, 1 cổng nối tiếp ^{12,38}
Thiết bị đầu vào	Bàn phím HP USB Business Slim SmartCard CCID; Bàn phím có dây HP 125; Bàn phím có dây không chuẩn HP 125; Bộ bàn phím và chuột không dây HP 655; Bàn phím HP USB 320K ^{15,16} ; Chuột có dây để bàn HP 320M; Chuột có dây HP 125; Chuột có dây laser HP 128; Chuột có dây không chuẩn HP 125 ¹⁵
Truyền thông tin	LAN: Được tích hợp Intel® I219LM GbE LOM
Khe lắp đĩa cứng	Một HDD 2,5" ¹¹
Môi trường	Nhiệt độ hoạt động: 10 đến 35°C; Độ ẩm hoạt động: 10 đến 90% RH
Phần mềm	HP Notifications; HP PC Hardware Diagnostics UEFI; HP Support Assistant; HP Connection Optimizer; HP Privacy Settings; HP PC Hardware Diagnostics Windows; HP Desktop Support Utilities; MyHP; HP Easy Clean; Touchpoint Customizer for Commercial; Trình điều khiển bàn phím HP Easy Clean; HSA Fusion for Commercial; HSA Telemetry for Commercial ^{12,22,23}
Phần mềm có sẵn	Hỗ trợ HP Smart ²⁴
Quản lý bảo mật	HP Secure Erase; HP Sure Click; HP Sure Sense; Mô-đun Absolute Persistence; HP Sure Admin; HP BIOSphere Thế hệ 6; HP Client Security Manager Thế hệ 7; HP Tamper Lock; HP Sure Start Thế hệ 7; HP Sure Run Thế hệ 5; HP Sure Recover Thế hệ 5; Chip bảo mật nhúng cho Mô-đun nền tảng đáng tin cậy TPM 2.0 kèm theo Windows 11 (Chứng nhận Tiêu chí chung EAL4+)(Chứng nhận FIPS 140- 2 Cấp độ 2)
Giấy phép Phần mềm Bảo mật	HP Wolf Pro Security Edition ⁵⁶



PC để bàn HP Elite Mini 800 G9

Thông số kỹ thuật

Tính năng quản lý	HP Client Catalog (tải xuống); HP Driver Packs (tải xuống); HP Image Assistant (tải xuống); HP Client Management Script Library (tải xuống); HP Connect cho Microsoft Endpoint Manager; HP Manageability Integration Kit (tải xuống); HP Patch Assistant (tải xuống) ^{18,19,20}
Nguồn điện	Bộ chuyển đổi nguồn bên ngoài 120 W, hiệu suất lên đến 89%, mạch Active PFC; Bộ chuyển đổi nguồn bên ngoài 180 W, hiệu suất lên đến 89%, mạch Active PFC; Bộ chuyển đổi nguồn bên ngoài 90 W, hiệu suất lên đến 89%
Kích thước	17,7 x 17,5 x 3,4 cm; 49,8 x 13,2 x 23,5 cm (Gói hàng)
Trọng lượng	1,42 kg; (Trọng lượng chính xác tùy thuộc vào cấu hình.)
Nhãn sinh thái	Đã đăng ký EPEAT với Climate+ ¹⁷
Được chứng nhận Energy Star	Được chứng nhận ENERGY STAR®



PC để bàn HP Elite Mini 800 G9

Ghi chú

Chú thích trong phần nhấn tin

² Multicore (Đa lõi) được thiết kế nhằm tăng cường hiệu suất của một số sản phẩm phần mềm. Không nhất thiết mọi khách hàng hay ứng dụng phần mềm đều được hưởng lợi từ việc sử dụng công nghệ này. Hiệu suất và tốc độ xung nhịp sẽ thay đổi tùy theo tải làm việc của ứng dụng cũng như cấu hình phần cứng và phần mềm của máy. Số hiệu, thương hiệu và/hoặc tên của bộ xử lý Intel không phải là thước đo hiệu năng.

³ Tính năng tùy chọn phải được định cấu hình tại thời điểm mua.

⁴ Tấm màn hình được bán riêng và chỉ hỗ trợ cho các dòng bộ xử lý 35W được định cấu hình với card đồ họa NVIDIA RTX 3050 Ti tại thời điểm mua.

⁵ Màn hình và phần cứng lắp đặt được bán riêng hoặc ở dạng tính năng tùy chọn.

⁶ HP Wolf Security for Business yêu cầu Windows 10 trở lên. Sản phẩm này bao gồm các tính năng bảo mật khác nhau của HP, đồng thời có sẵn trên các sản phẩm HP Pro, Elite, Workstation và RPOS. Xem thông tin chi tiết về sản phẩm để biết các tính năng bảo mật đi kèm và yêu cầu về hệ điều hành.

⁷ Tỷ lệ phần trăm hàm lượng nhựa tái chế cần cữ vào định nghĩa được nêu trong tiêu chuẩn IEEE 16801-2018.

⁸ 100% bao bì của hộp bên ngoài được làm từ sợi tái chế và có chứng nhận nguồn gốc bền vững. Đệm sọt được làm từ 100% sợi gỗ tái chế và vật liệu hữu cơ. Đệm nhựa được làm từ >90% nhựa tái chế.

⁹ Dựa trên đồng ký EPEAT[®] của Hoa Kỳ theo chuẩn IEEE 16801-2018 EPEAT[®]. Trạng thái EPEAT[®] khác nhau tùy theo quốc gia. Truy cập www.epeat.net để biết thêm thông tin.

¹⁰ Được bán riêng hoặc như một tính năng tùy chọn.

¹¹ HP Sure Start thế hệ 7 được tích hợp sẵn trên một số PC của HP và yêu cầu hệ điều hành Windows 10 trở lên.

¹² HP Sure Run thế hệ 5 được tích hợp sẵn trên một số PC của HP và yêu cầu hệ điều hành Windows 10 trở lên.

¹³ HP Sure Click yêu cầu Windows 10 trở lên. Để xem toàn bộ thông tin chi tiết, vui lòng truy cập vào https://bit.ly/2PrLT6A_SureClick.

¹⁴ Việc thử nghiệm theo Quy trình kiểm thử tổng thể của HP không phải là cam kết về hiệu suất trong tương lai theo các điều kiện thử nghiệm này. Đối với hư hỏng ngẫu nhiên, cần phải có Gói bảo hành tùy chọn chống hư hỏng ngẫu nhiên của HP.

¹⁵ Thử nghiệm MIL-STD 810 không nhằm chứng minh sự phù hợp với các yêu cầu theo hợp đồng của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ hay mục đích sử dụng của quân sự. Kết quả thử nghiệm không đảm bảo cho hiệu suất trong tương lai ở những điều kiện thử nghiệm này. Đối với mọi hư hỏng ngẫu nhiên, cần phải có Gói bảo hành tùy chọn chống hư hỏng ngẫu nhiên của HP.

Chú thích cuối trang về đặc điểm kỹ thuật

¹ Không phải phiên bản hay phiên bản cập nhật nào của Windows cũng có tất cả các tính năng. Hệ thống có thể yêu cầu nâng cấp và/hoặc mua riêng phần cứng, trình điều khiển, phần mềm hoặc bản cập nhật BIOS để tận dụng tối đa chức năng của Windows. Windows được tự động cập nhật và tính năng này luôn bật. Yêu cầu internet tốc độ cao và tài khoản Microsoft. Có thể mất phí ISP cũng như dẫn đến sẽ cần đáp ứng các yêu cầu bổ sung đối với các bản cập nhật. Tham khảo <http://www.windows.com>.

² Hệ thống này được cài đặt sẵn phần mềm Windows 11 Pro và cung cấp phần mềm khôi phục. Mỗi lúc bạn chỉ dùng được một phiên bản phần mềm Windows. Nếu chuyển đổi giữa các phiên bản, bạn sẽ cần phải gỡ cài đặt phiên bản này và cài đặt phiên bản khác. Bạn phải sao lưu tất cả dữ liệu (tệp tin, ảnh, v.v.) trước khi gỡ cài đặt và cài đặt hệ điều hành để tránh mất dữ liệu.

³ Để có thể khai thác toàn bộ chức năng của Intel[®] vPro[®], cần có hệ điều hành Windows 11 Pro 64 bit, bộ xử lý được hỗ trợ vPro, chipset hỗ trợ vPro, LAN có dây hỗ trợ vPro và/hoặc card WLAN và TPM 2.0. Một số chức năng yêu cầu phải có phần mềm bổ sung của bên thứ ba để chạy. Xem tại <http://intel.com/vpro>.

⁴ Cấu hình đa lõi được thiết kế nhằm tăng cường hiệu suất của một số sản phẩm phần mềm. Không nhất thiết mọi khách hàng hay ứng dụng phần mềm đều được hưởng lợi từ việc sử dụng công nghệ này. Hiệu suất và tốc độ xung nhịp sẽ thay đổi tùy thuộc vào khối lượng công việc của ứng dụng cũng như cấu hình phần cứng và phần mềm của máy. Số hiệu, nhãn hiệu và/hoặc tên của bộ xử lý Intel không phải là chỉ báo hiệu năng cao hơn.

⁵ Công nghệ Intel[®] Turbo Boost yêu cầu PC trang bị bộ xử lý có khả năng chạy Intel Turbo Boost. Hiệu suất của Intel Turbo Boost thay đổi tùy theo phần cứng, phần mềm và cấu hình hệ thống tổng thể. Vui lòng truy cập <http://www.intel.com/technology/turboboost> để biết thêm thông tin.

⁶ Mỗi cấu hình chỉ có một số bộ xử lý nhất định.

⁷ Đối với các hệ thống được định cấu hình với bộ nhớ hơn 3 GB và hệ điều hành 32 bit, tất cả bộ nhớ có thể không khả dụng do yêu cầu về tài nguyên hệ thống. Xử lý bộ nhớ trên 4 GB yêu cầu có hệ điều hành 64 bit. Mô-đun bộ nhớ hỗ trợ tốc độ truyền dữ liệu lên tới 4800 MT/giây; tốc độ dữ liệu thực tế được xác định bằng bộ xử lý đã định cấu hình của hệ thống. Xem thông số kỹ thuật về bộ xử lý để biết tốc độ dữ liệu được hỗ trợ của bộ nhớ. Khách hàng có thể tiếp cận/nâng cấp tất cả khe cắm bộ nhớ.

⁸ Khách hàng có thể tiếp cận/nâng cấp tất cả khe cắm bộ nhớ.

⁹ Chỉ được cung cấp với Bộ xử lý Alder Lake i5, i7 và i9.

¹⁰ Đối với ổ đĩa lưu trữ, 1 GB = 1 tỷ byte. 1 TB = 1 nghìn tỷ byte. Dung lượng định dạng thực tế sẽ thấp hơn. Tối đa 30 GB ổ đĩa (đối với hệ điều hành Windows) được dự phòng cho phần mềm khôi phục hệ thống.

¹¹ Được bán riêng hoặc như một tính năng tùy chọn.

¹² Card mạng quang NIC và card 1Gbps không có sẵn ở một số quốc gia châu Âu và Hàn Quốc.

¹³ Chỉ có sẵn trên bộ xử lý 35W.

¹⁴ Card có thể được cấu hình với cổng Flex IO 2 như một tùy chọn.

¹⁵ Bản phim có dây kháng khuẩn HP 125, Chuột cổng USB HP, Chuột có dây kháng khuẩn 125 không được cung cấp ở tất cả các khu vực. (tính năng kháng khuẩn chỉ có ở Trung Quốc)

¹⁶ Cổng PS/2 không có trên PC để bàn Elite Mini 800 G9.

¹⁷ Dựa trên đồng ký US EPEAT[®] theo IEEE 16801-2018 EPEAT[®]. Trạng thái thay đổi theo quốc gia. Truy cập www.epeat.net để biết thêm thông tin.

¹⁸ HP Connect cho Microsoft Endpoint Manager có sẵn trên Azure Market Place dành cho các mẫu PC HP Pro, Elite, Z và POS được quản lý bằng Microsoft Endpoint Manager. Yêu cầu đăng ký Microsoft Endpoint Manager (được bán riêng). Yêu cầu kết nối mạng.

¹⁹ HP Patch Assistant được tích hợp sẵn trên một số PC của HP với HP Manageability Kit được quản lý thông qua Microsoft System Center Configuration Manager. Bạn có thể tải xuống HP Manageability Integration Kit từ <http://www8.hp.com/us/en/ads/clientmanagement/overview.html>.

²⁰ Bạn có thể tải xuống HP Manageability Integration Kit từ <http://www.hp.com/go/clientmanagement>.

²¹ myHP yêu cầu hệ điều hành Windows.

²² HP Support Assistant: Yêu cầu truy cập Windows và Internet.

²³ Dịch vụ HP Smart Support tự động thu thập dữ liệu cần thiết của giải pháp đo dữ liệu từ xa sau lần đầu khởi động sản phẩm để cung cấp dữ liệu về cấu hình ở cấp độ thiết bị và dữ liệu chuyên sâu về tình trạng thiết bị, đồng thời được tích hợp sẵn trên một số sản phẩm thông qua Dịch vụ HP Factory Configuration; hoặc có thể tải xuống. Để biết thêm thông tin về cách khởi động HP Smart Support hoặc cách tải xuống, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/smart-support>.

²⁴ Khi giao sản phẩm, mô-đun phần mềm điều khiển Absolute được thiết lập ở trạng thái tắt và sẽ được kích hoạt khi mua đồng ký giấy phép và được đại lý phần mềm kích hoạt toàn bộ. Có thể mua gói đồng ký giấy phép dài hạn trong nhiều năm. Do dịch vụ còn hạn chế, hãy kiểm tra với Absolute để biết về tình trạng sẵn có của sản phẩm bên ngoài Hoa Kỳ. Một số điều kiện được áp dụng. Để biết toàn bộ thông tin chi tiết, vui lòng truy cập: <https://www.absolute.com/about/legal/agreements/absolute/>.

²⁵ HP Sure Click yêu cầu hệ điều hành Windows 10 Pro trở lên hoặc Enterprise. Để biết toàn bộ thông tin chi tiết, vui lòng truy cập https://bit.ly/2PrLT6A_SureClick.

²⁷ HP Sure Sense có sẵn trên một số máy tính HP chạy hệ điều hành Windows 10 Pro, Windows 10 Enterprise, Windows 11 Pro hoặc Windows 11 Enterprise.

²⁸ HP Sure Run thế hệ 5 được tích hợp sẵn trên một số PC của HP và yêu cầu hệ điều hành Windows 10 trở lên.

²⁹ HP Sure Recover thế hệ 5 với công nghệ tạo bản sao hệ thống Embedded Reimaging là một tính năng tùy chọn, yêu cầu có hệ điều hành Windows 10 trở lên và phải được cấu hình khi mua. Bạn phải sao lưu các tệp tin, dữ liệu, hình ảnh, video, v.v. quan trọng trước khi sử dụng để tránh mất dữ liệu. Quá trình khôi phục dữ liệu qua mạng bằng Wi-Fi chỉ khả dụng trên PC với Mô-đun Wi-Fi của Intel.

³⁰ HP Sure Start thế hệ 7 được tích hợp sẵn trên một số PC của HP và yêu cầu hệ điều hành Windows 10 trở lên

³¹ HP Sure Admin yêu cầu hệ điều hành Windows 10 trở lên, HP BIOS, Bộ công cụ tích hợp khả năng quản lý của HP từ <http://www.hp.com/go/clientmanagement> và ứng dụng HP Sure Admin Local Access Authenticator dành cho điện thoại thông minh từ cửa hàng ứng dụng Android hoặc Apple Store.

³² HP Client Security Manager thế hệ 7 yêu cầu hệ điều hành Windows và được tích hợp sẵn trên một số mẫu PC phiên bản Elite và phiên bản Pro của HP.

³³ Các tính năng của HP BIOSphere thế hệ 6 có thể thay đổi tùy thuộc vào nền tảng và cấu hình.

³⁴ HP Secure Erase đối với các phương pháp được nêu trong Ấn bản Đặc biệt 800-88 của Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Quốc gia, mục phương pháp dọn dẹp dữ liệu "Clear". HP Secure Erase không hỗ trợ nền tảng sử dụng Intel[®] Optane[™].

³⁵ Ấng-tên bên ngoài có thể được cấu hình với cổng Flex IO 2 như một tùy chọn.

³⁶ Cần có điểm truy cập không dây và dịch vụ Internet (được bán riêng). Số lượng điểm truy cập không dây công cộng có hạn. Wi-Fi 6 tương thích ngược với thông số kỹ thuật của các chuẩn không dây 802.11 trước đó.

³⁷ Wi-Fi 6E yêu cầu bộ định tuyến Wi-Fi 6E (được bán riêng) để có thể hoạt động ở băng tần 6GHz. Số lượng điểm truy cập không dây công cộng có hạn. Wi-Fi 6E tương thích ngược với thông số kỹ thuật của các chuẩn không dây 802.11 trước đó. Và có sẵn ở những quốc gia hỗ trợ Wi-Fi 6E.

³⁸ Vì mục tiêu thu diện năng của nền tảng khác nhau tùy theo cấu hình, nên để người dùng có trải nghiệm tốt nhất, xin vui lòng kết nối với dây nguồn PC khi sử dụng cáp USB-C[®] qua cổng USB Super Speed Type-C[®] ở phía sau của nền tảng.

³⁹ Kể từ ngày 1 tháng 11 năm 2023, tất cả các hàng giao gửi sẽ cần cài đặt Windows trên ổ SSD để mang tới cho người dùng trải nghiệm tốt hơn. Chỉ cấu hình được ổ HDD làm ổ đĩa dữ liệu bổ sung, chứ không thể làm ổ đĩa khởi động.

³⁶ HP Wolf Pro Security Edition (bao gồm HP Sure Click Pro và HP Sure Sense Pro) được tải sẵn trên một số SKU nhất định và bao gồm giấy phép trả phí 1 năm hoặc 3 năm tùy thuộc vào sản phẩm HP Wolf Pro Security Edition được cấp phép theo các điều khoản cấp phép của Phần mềm HP Wolf Security - Thỏa thuận cấp phép người dùng cuối (EULA) có tại: https://support.hp.com/us-en/document/ish_3875769-3873014-16. EULA đó được sửa đổi theo những nội dung sau: "7. Thời hạn. Trừ khi bị chấm dứt sớm hơn theo các điều khoản có trong EULA này, giấy phép cho HP Wolf Pro Security Edition (HP Sure Sense Pro và HP Sure Click Pro) sẽ có hiệu lực sau khi kích hoạt và tiếp tục trong thời hạn cấp phép mười hai (12) tháng hoặc ba mươi sáu (36) tháng ("Thời hạn ban đầu"). Vào cuối Thời hạn ban đầu, bạn có thể (a) mua giấy phép gia hạn cho HP Wolf Pro Security Edition từ HP.com, bộ phận Bán hàng của HP hoặc Đối tác kênh của HP hoặc (b) tiếp tục sử dụng các phiên bản tiêu chuẩn của HP Sure Click và HP Sure Sense mà không mất chi phí bổ sung, không có bản cập nhật phần mềm hoặc dịch vụ Hỗ trợ HP trong tương lai.

